

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 14-3-2023

V/v: “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu TrAg

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân H – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐHPT ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Minh H** sinh năm 1963 và chị **Huỳnh Thúy A**, sinh năm 1982. Cùng cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022).

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:* Ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B.

Bà T và bà C có mặt, ông Ho vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Minh H và chị Huỳnh Thúy A, tại bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thủy trình bày:

Ngày 19/5/2021 bà H tên gọi khác là B có cho bà C vay số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng, cùng thời điểm này thì chị Thúy A là cháu của bà H cũng cho bà C vay số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng. Giữa bà H và chị Thúy với bà C thỏa thuận bằng lời nói lãi suất của khoản vay này là 2%/tháng. Thời hạn trả khoản nợ vay gốc và lãi của bà H là vào ngày 20/10/2021 trả tất nợ gốc và lãi cùng một lúc. Thời hạn trả khoản nợ vay của Thúy A là vào ngày 20/9/2021 trả tất nợ gốc và lãi cùng một lúc. Bà H và chị Thúy A cùng giao tiền cho bà C vào ngày 19/5/2021 nên ngày 19/5/2021 bà C có viết một giấy nhận nợ, thừa nhận có mượn tiền của bà H và chị Thúy A trong cùng một tờ giấy nhận nợ đó là “Tờ cam kết” của “người cam kết” Võ Thị C mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Khi hỏi chị Thúy A vay tiền thì bà C có cam kết nếu không trả được tiền vay thì sẽ sAg quầy bán rau tại chợ Cái Quao xã A Định cho chị Thúy A; bà C có viết tờ cam kết với chị Thúy A là tờ “ SAg quầy” ghi ngày 19/5/2021 dương lịch có chữ ký “Người sAg” là Võ Thị C. Bà C nói mục đích vay tiền của bà H và chị Thúy A về để mua thiết bị máy móc cho chồng bà C là ông Trần Văn H làm công trình. Do bà C và ông H là vợ chồng, bà C mượn tiền về để cùng làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên bà H và chị Thúy A yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả nợ vay cho bà H và chị Thúy A, cụ thể:

Bà H yêu cầu bà Võ Thị C và ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 20/5/2021 đến ngày 20/9/2021 với mức lãi suất là 1,66%/tháng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/9/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tại phiên tòa phía bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 20/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 10.840.000 đồng.

Chị Thúy A yêu cầu bà Võ Thị C và ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 20/5/2021 đến ngày 20/9/2021 với mức lãi suất là 1,66%/tháng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/9/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tại phiên tòa chị Thúy A yêu cầu tính lãi từ ngày 20/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 5.420.000 đồng.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Võ Thị C trình bày:

Khoảng tháng 02/2021 bà C có vay của bà H tên gọi khác là B số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và vay của chị Thúy A số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng. Đến ngày 19/5/2021 thì bà C mới viết giấy nhận nợ thừa nhận có vay bà B số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng, vay của chị Thúy A số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng. Khi vay tiền thì giữa bà C với bà B thỏa thuận lãi suất vay là 600.000 đồng/ngày, 10 ngày thì đóng tiền lãi một lần, thời hạn vay là ngày 20/10/2021; giữa bà C với chị Thúy A thỏa thuận lãi suất là 150.000 đồng/ngày, đóng lãi hàng ngày, thời hạn vay là 20/9/2021. Nội dung thỏa thuận giữa hai bên không lập thành văn bản. Sau khi

vay thì bà C có đóng lãi cho bà B và chị Thúy A như thỏa thuận, bà C đóng lãi được một thời gian thì không đóng được nữa nên ngày 19/5/2021 bà C có viết giấy nhận nợ, thừa nhận có mượn tiền của bà B số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và mượn chị Thúy A số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng, viết trong cùng một tờ giấy nhận nợ đó là “Tờ cam kết” mà bà B và Thúy A đã nộp cho Tòa án. Toàn bộ nội dung của “Tờ cam kết” là do bà C viết, chữ viết “Võ Thị C” bên dưới nội dung “Người cam kết” cũng do bà C viết. Khi hỏi chị Thúy A vay tiền thì bà C có cam kết nếu không trả được tiền thì sẽ sang quầy bán rau cải tại chợ Cái Quao xã A Định cho chị Thúy A và viết tờ cam kết với Thúy A là tờ “SAG quầy” ghi ngày 19/5/2021 mà chị Thúy A nộp cho Tòa án.

Sau khi vay tiền của bà H thì bà C có đóng tiền lãi cho bà H như đã thỏa thuận, 10 ngày đóng một lần với số tiền là 6.000.00 đồng, đóng được hơn 03 tháng. Sau đó thì do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà C xin bà H đóng lãi 200.000 đồng/ngày, bà H đồng ý nên bà C có đóng lãi cho bà H được khoảng 01 tháng, sau đó thì không đóng lãi được nữa cũng không trả được nợ vay gốc. Khi đóng lãi cho bà H thì hai bên không có làm biên bản giao nhận.

Sau khi vay tiền của chị Thúy A thì bà C có đóng lãi cho Thúy A, mỗi ngày đóng 150.000 đồng, đóng được khoảng 03 tháng, sau đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà C xin chị Thúy A không đóng lãi nữa và được chị Thúy A đồng ý. Sau đó khoảng nửa tháng thì bà C có trả được cho Thúy A số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng. Cách khoảng hơn 01 tháng sau thì trả cho chị Thúy A 15.000.000 đồng tiền vay gốc còn lại. Hiện bà C không còn nợ tiền vay của chị Thúy A. Khi đóng lãi và trả tiền nợ vay gốc cho Thúy A thì hai bên không có làm biên nhận gì.

Do bà C vay tiền của người khác để cho vay lại nhưng bị giựt tiền cho vay, nên bà C vay tiền của bà H và chị Thúy A về để trả nợ vay của cá nhân bà C. Bà C và ông H sống chung như vợ chồng tại ấp Minh Nghĩa, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre từ khoảng năm 1996 đến nay, không có đăng ký kết hôn, mặc dù sống chung nhà nhưng ông H không biết gì về việc bà C vay tiền của bà H và chị Thúy A, ông H cũng không có sử dụng tiền vay này.

Nay bà C đồng ý trả cho bà H số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng, mức lãi suất mà H yêu cầu thì bà C thống nhất nhưng hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên tôi xin trả dần 2.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ và xin không trả lãi.

Đối với số tiền nợ vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi mà Thúy A yêu cầu thì bà C không đồng ý vì bà C đã trả xong tiền nợ vay gốc cho chị Thúy A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu qua điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền,

nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Minh H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng .

- Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thúy A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Minh H về việc yêu cầu ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Võ Thị C trả cho bà Huỳnh Minh H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thúy A về việc yêu cầu ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Võ Thị C trả cho chị Huỳnh Thúy A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quA hệ pháp luật trAh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Huỳnh Minh H và chị Huỳnh Thúy A thì xác định quA hệ pháp luật trAh chấp trong vụ án này là “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Võ Thị C có địa chỉ nơi cư trú tại xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA: Ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung trAh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn Huỳnh Minh H: Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự cho thấy giữa bà H và bà C có giao dịch vay tài sản; giữa các đương sự đã thống nhất xác nhận hiện bà C còn nợ bà H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng, bà C đồng ý trả số tiền nợ này theo yêu cầu của H. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà C có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng cho bà H.

[2.2] Xét yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn Huỳnh Thúy A: Chị Thúy A trình bày ngày 19/5/2021 có cho bà C vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là ngày 20/9/2021, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, chị Thúy A đã giao đủ số tiền vay gốc nay cho bà C ngày 19/5/2021 và hai bên có lập hợp đồng là “Tờ cam kết” không đề ngày tháng năm. Bà C thừa nhận có vay của chị Thúy A số tiền gốc là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là ngày 20/9/2021. Bà C cho rằng đã trả đủ số tiền vay gốc cho chị Thúy A xong nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị Thúy A. Lời trình bày này của bà C không được chị Thúy A thừa nhận. Bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả cho chị Thúy A số tiền vay gốc 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của bà C, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thúy A, buộc bà C có nghĩa vụ trả cho chị Thúy A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả lãi của các nguyên đơn:

Nguyên đơn chị Thúy A trình bày ngày 19/5/2021 có cho bà C vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là ngày 20/9/2021, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, nguyên đơn đã giao đủ số tiền vay gốc nay cho bị đơn ngày 19/5/2021. Nguyên đơn Huỳnh Minh H trình bày ngày 19/5/2021 có cho bị đơn vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, thời hạn vay là ngày 20/10/2021, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, nguyên đơn đã giao đủ số tiền vay gốc nay cho bị đơn ngày 19/5/2021. Do giữa bà H và Thúy A là dì cháu ruột nên đã yêu cầu bị đơn viết chung một giấy thừa nhận nợ là “Tờ cam kết”. Tại Thời điểm thỏa thuận vay tiền của chị Thúy A thì bà C có cam kết nếu không trả được nợ thì sẽ sAg quầy bán rau tại chợ A Định cho chị Thúy A, bà C có lập tờ “SAg quầy” ghi ngày 19/5/2021 mà chị A nộp cho Tòa án. Từ khi đến thời hạn trả nợ vay cho đến nay bà C không trả được tiền nợ vay gốc và lãi nào cho bà H và chị Thúy A như đã thuận. Bị đơn trình bày: Khoảng tháng 02/2021 có vay của chị Thúy A số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 150.000 đồng/ngày, thời hạn vay là 20/9/2021, khi hỏi nguyên đơn vay tiền thì có cam kết nếu không trả được nợ thì sẽ sAg quầy bán rau tại chợ A Định cho chị Thúy và có viết tờ “SAg quầy” mà chị Thúy A nộp cho Tòa án, sau khi vay có đóng lãi cho chị Thúy A như thỏa nhưng không tính được số tiền đã đóng là bao nhiêu do không ghi sổ theo dõi, khi kinh tế gia đình khó khăn có xin không đóng lãi nữa và được chị Thúy A đồng ý, bà C xác định hiện đã trả xong số tiền vay gốc 30.000.000 đồng cho nguyên đơn nên không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của chị Thúy A. Bị đơn cũng trình bày: Khoảng tháng 02/2021 có vay của nguyên đơn H số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 600.000 đồng/ngày, thời hạn vay là 20/9/2021, sau khi vay bị đơn có đóng lãi cho bà H như thỏa thuận được 03 tháng. Sau đó xin bà H đóng lãi 200.000 đồng/ngày thì bà H đồng ý và đóng được 01 tháng, sau đó thì không đóng

được nữa. Nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin không trả lãi theo yêu cầu của bà H. Những lời trình bày này của bà C không được bà B và chị Thúy A thừa nhận, bà C cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của bà C.

Theo nội dung của tờ giấy nhận nợ là “Tờ cam kết” được hai bên thừa nhận không thể hiện ngày tháng năm lập “Tờ cam kết”, nhưng các bên thống nhất trình bày tại thời điểm thỏa thuận vay thì bà C có cam kết nếu không trả được nợ cho chị Thúy A thì bà C sẽ sAg quầy bán rau tại chợ A Định cho chị Thúy A, đồng thời bà C có viết giấy cam kết là “Tờ sAg quầy” ghi ngày 19/5/2021. Từ đó có cơ sở xác định, ngày các bên thỏa thuận vay tiền là ngày 19/5/2021. Các bên thống nhất thời hạn vay của khoảng vay 60.000.000 đồng của bà H là ngày 20/10/2021, thời hạn vay của khoảng vay 00.000.000 đồng của chị Thúy A là ngày 20/9/2021. Từ đó có cơ sở xác định, ngày bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 19/5/2021 dương lịch.

Bà H yêu cầu bà C trả tiền lãi trên số nợ vay gốc 60.000.000 đồng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 20/9/2021 đến ngày 14/3/2023. Chị Thúy A yêu cầu bà C trả tiền lãi trên số nợ vay gốc 30.000.000 đồng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 20/9/2021 đến ngày 14/3/2023. Hội đồng xét xử xét thấy: Như nhận định trên, có căn cứ xác định ngày vay tiền là ngày 19/5/2021, từ khi vay cho đến nay bà B không chứng minh được đã trả nợ vay gốc và lãi cho bà H và chị Thúy A nên việc bà H và chị Thúy A yêu cầu bà C trả tiền lãi tính từ ngày 19/5/2021 đến ngày 14/3/2023 là phù hợp. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của bà H, tính từ ngày 20/5/2021 đến 14/3/2023 như sau: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 10.840.000 \text{ đồng}$; chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của chị Thúy A, tính từ ngày 20/5/2021 đến 14/3/2023 như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 5.420.000 \text{ đồng}$

[2.3] Về thời hạn trả nợ: Bà C yêu cầu được trả dần số tiền nợ của bà H theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi tất nợ nhưng không được bà H đồng ý. Bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận việc bà được trả dần số nợ hàng tháng hay trả nợ thành nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà C.

[2.4]. Đối với tiền lãi mà bà C cho rằng đã đóng cho bà H và chị Thúy A: Bà C không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả số tiền nợ vay gốc và lãi:

Bà H và chị Thúy A cho rằng ông H và bà C là vợ chồng, ông H có biết việc bà C vay tiền của bà H và chị Thúy A vì bà C vay tiền để mua sắm thiết bị máy móc

phục vụ cho công việc của ông H nên yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả số tiền nợ vay gốc và lãi. Bà C trình bày, bà C và ông H sống chung như vợ chồng từ năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn, ông H không biết gì về việc bà C vay tiền của bà H và chị Thúy A, cũng không có sử dụng tiền vay này. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Đăng nơi cư trú của ông H và bà C xác nhận, từ năm 1996 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn của ông H và bà C; bà B và chị Thúy A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh việc ông H và bà C là vợ chồng hợp pháp, ông H có biết việc bà C vay tiền, ông H có sử dụng tiền vay hay bà C sử dụng tiền vay phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và chị Thúy A về việc yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả số tiền nợ vay gốc và lãi nêu trên.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 10.840.000 đồng, tổng cộng là 70.840.000 đồng; Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho chị Thúy A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 5.420.000 đồng, tổng cộng là 35.420.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.313.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Minh H và chị Huỳnh Thúy A cụ thể:

1. Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Minh H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.840.000 đồng (Mười triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng), tổng cộng là 70.840.000 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

2. Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thúy A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 5.420.000 đồng (Năm triệu

bốn trăm hai mươi ngàn đồng), tổng cộng là 35.420.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quA thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Minh H về việc yêu cầu ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Võ Thị C trả cho bà Huỳnh Minh H số tiền nợ vay gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.840.000 đồng (Mười triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng), tổng cộng là 70.840.000 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thúy A về việc yêu cầu ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Võ Thị C trả cho chị Huỳnh Thúy A số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 5.420.000 đồng (Năm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng), tổng cộng là 35.420.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

5. Về án phí:

- Bà Võ Thị C chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.313.000 đồng (Năm triệu ba trăm mười ba ngàn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.749.000 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009628 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho bà Huỳnh Minh H.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 874.000 đồng (Tám trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009627 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho chị Huỳnh Thúy A.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAD tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu TrAg

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

